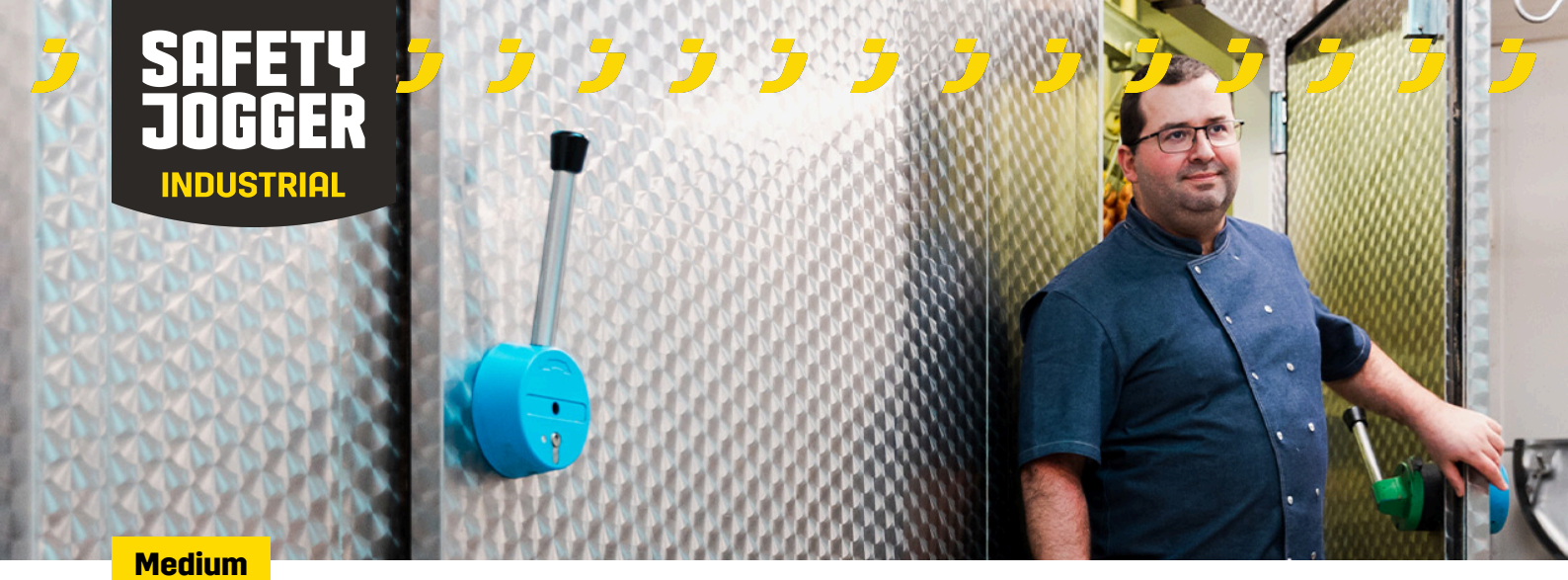


Medium

FLUX S2 SLIP ON LOW

FLUXS2LOW

Giày bảo h ộ c ổ thấp i, **dàn không ngành không** n ghiệ p thự c phẩm .

Giày bảo h ộ chân hà ,ở trên thoáng khí và bề sinh . Màng ại ạ trong ngành công n ghiệ p thự c phẩm .

Những vật liệu cao cấp hơn	Lorica
ót bên trong i tái chế lưới	
rong Đ ệm chân SJ Memory Foam	
iữa đế g	SAU ĐÓ
ngoài Đ	PU / PU
u Đứng đầ	Nanocarbon
i Loạ	S2 / SR, FO, CI, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
ng lượng thép	0.463 kg
ẩn hóa u chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024

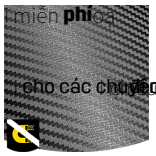
CO_2 7.71 kg



WHT



BLK



Kim l
Giày an toàn không có kim an siêu nhẹ toàn thông thường. Chúng cũng cho các chuyên gia giày.



Lorica
Lorica là và độ chắc chắn vượt t phẩm có khả năng chống nước, u mỏ và vết bẩn đáp ứng tiêu chuẩn HACCP ắt nghiêm ng



X
ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn ngừa bắt lửa do tích điện. 100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



Cách điện lạnh **(CI)**
Giày bảo hộ cách nhiệt (CI) tối chân ủng được mặc trong môi



& nhiên
ế ngoài có khả năng và nhiên liệu.



Mũi giày an toàn bằng **nano-carbon**
Vật liệu công nghệ cao siêu nhẹ, kim l

Công nghiệp **n:**

Thự ờcuphẩm m& Dphục vụ ăn uố ạnh g, Lưu hà ọ c , thuộ cv ề y h ọ c , Ngành công n ghiệ p

ường: **Môi** t

rư ờn mộ lt ạnh ờn mộ khô ớt

Cac hương **dân ba#o tri:**

éo dài t Dagiày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phẳ cá phủ hà nh iệ g Không trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **Lorica** **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng ấm	? 0.8		1.8	ờ	mg/cm/g
	Top: h ệ số	? 15		16		mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế					
	L ớp lót: ấm	? 2		86.31	ờ	mg/cm/g
	lót: h ệ số	? 20		691		mg/cm2
rong Đ ệ m **chân** **SJ Memory Foam**						
	ệ m chân Đ	25600/12800		25600/12800		chu kỳ
goài Đ	**PU / PU**					
	Ch ố m	? 150		40.9		mm
	Chư ố t	? 0.31		0.43		ma sát
	rư Cặ	? 0.36		0.56		ma sát
	rư Cặ	? 0.19		0.29		ma sát
	Chư ố t	? 0.22		0.25		ma sát
	ị ch ố Giá	0.1 - 1000		16.5		megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100		14		megaohm
	Hấp thụ	? 20		34		J
Đ ứ n g đầ **Nanocarbon**						
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A		N/A		mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A		N/A		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14		14.5		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14		21.0		mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi. hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản từ

hân sinh Dấ **thái:**

	Sự **miêu** t ả	ả	ế t	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO** **phát** thả						
	V ật l iệu			5.44		kg
	Bao bì			0.12		kg
	ất Sản x u			1.90		kg
	Chuyên ch ở			0.26		kg
				7.71 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ả	ế t	K u	q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế					
	Product			10%	
	Bao bì			99%	

Tính toán CO2:

rị dược làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Các phân tích này được thực hiện bằng cách sử dụng công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.